TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẠ TẺH
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc L – Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số:10/2018/HS-ST
Ngày 24-7-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠ TẺH

- TH4nh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Văn Hùng
Các hội thẩm nhân dân:
1/ Ông Hồ Anh Đồng
2/ Bà Nguyễn Thị Trung Lan
- Thư ký phiên tòa: Ông Nghiêm Văn Hải – Thư ký của Tòa án án nhân dân huyện Đạ Tẻh – Lâm Đồng.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đạ tẻh – Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông K' Chiêm – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 05/2018/TLST-HS ngày 13 tháng 02 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2018/QĐXXST – HS ngày 11 tháng 5 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2018/HSST – QĐ ngày 25 tháng 5 năm 2018 đối với:

1. Bị cáo **Quách Văn C** - Sinh ngày 01 tháng 01 năm 1973; tại Hòa B5.
Nơi cư trú: Xóm A, thôn D, xã F, huyện B, tỉnh Lâm Đồng; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 4/12; Dân tộc: Mường; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Bùi Quang D1- Sinh năm1948 và bà Quách Thị C1 - sinh năm 1946; Vợ: Bùi Thị A1 - sinh năm 1974; Con có 02 con, con lớn sinh năm 1997, con nhỏ sinh năm 1999; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 03/8/2017. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại NH4 tạm giữ Công an huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. "Có mặt".
2. Bị cáo **Vũ Thanh L** - Sinh ngày 16 tháng 6 năm 1974; tại Nam Định.
Nơi cư trú: Thôn G, xã N, huyện B, tỉnh Lâm Đồng; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 5/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Vũ Văn Y và bà Phạm Thị T1 – đều đã chết; Vợ: Trần Thị H1 - sinh năm 1974; Con có 03 con, con lớn nhất sinh năm 1998, con nhỏ nhất sinh năm 2015;Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 16/4/2018. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại NH4 tạm giữ Công an huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. "Có mặt".
3. Bị cáo **Tống Mạnh H** - Sinh ngày 03 tháng 01 năm 1961; tại Nam Định.
Nơi cư trú: Thôn M, xã N, huyện B, tỉnh Lâm Đồng; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 7/10; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Tống Bá N1 và bà Lương Thị H2 – đều đã chết; Vợ: Nguyễn Thị M1 - sinh năm 1961; Con có 03 con: Con lớn nhất đã chết, con nhỏ nhất sinh năm 1988; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 16/4/2018. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại NH4 tạm giữ Công an huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. "Có mặt".
4. Bị cáo **Đào Văn T** - Sinh ngày 10 tháng 9 năm 1980; tại Nghệ An.
Nơi cư trú: Xóm Q, Thôn M, xã N, huyện B, tỉnh Lâm Đồng; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 4/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Đào Văn T2 - sinh năm 1954 và bà Hoàng Thị V - sinh năm 1957; Vợ: Huỳnh Thị L1 - sinh năm 1977; Con có 03 con: con lớn nhất sinh năm 1999 và con nhỏ nhất sinh năm 2007; Tiền án: Có 01 tiền án: Ngày 21/9/2017 bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng xử phạt 09 tháng tù về tội "*Vi phạm các quy định về khai thác và B5 vệ rừng";* Tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 16/3/2018. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại NH4 tạm giữ Công an huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. "Có mặt".

5. Bị cáo **Trần Cao T** - Sinh ngày 30 tháng 4 năm 1994; tại: Quảng Ngãi.

HK thường trú: Thôn M, xã N, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Nơi cư trú: Thôn K, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Cao X - sinh năm 1965 và bà Nguyễn Thị Minh H - sinh năm 1969; Vợ: Quách Thị D - sinh năm 1980; Con 01 con sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: Không; Về nhân thân: Ngày 13/3/2013, bị Tòa án nhân dân huyện B5, tỉnh Lâm Đồng xử phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội "*Trộm cắp T6 sản*"; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 17/4/2018. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại NH4 tạm giữ Công an huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. "Có mặt".

6. Bị cáo **Bùi Văn M** - Sinh ngày 05 tháng 6 năm 1977; tại: Hòa B5.

Nơi cư trú: Thôn 2, xã I, huyện D1, tỉnh Lâm Đồng; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 3/12; Dân tộc: Mường; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Bùi Văn D2 - sinh năm 1944 và bà Bùi Thị K - đã chết; Vợ: Quách Thị M - sinh năm 1979; Con có 02 con, con lớn sinh năm 2004, con nhỏ sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 18/4/2018. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại NH4 tạm giữ Công an huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. "Có mặt".

7. Bị cáo **Bùi Văn T4** - Sinh ngày 05 tháng 4 năm 1974; tại: Hòa B5.

Nơi cư trú: Thôn a, xã I, huyện D1, tỉnh Lâm Đồng; Nghề nghiệp: Làm nông. Trình độ học vấn: 4/10; Dân tộc: Mường; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Bùi Văn D2 - sinh năm 1944 và bà Bùi Thị K - đã chết; Vợ: Bùi Thị L - sinh năm 1984; Con có 02 con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 18/4/2018. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại NH4 tạm giữ Công an huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. "Có mặt".

8. Bị cáo **K'J** - Sinh ngày 18 tháng 10 năm 1977; tại Lâm Đồng.

Nơi cư trú: Thôn TB, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: Biết đọc, biết viết tiếng Việt; Dân tộc: Châu Mạ; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Công giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông K'J- đã chết và bà Ka B - sinh năm 1952; Vợ: Ka - sinh năm 1985; Con có 02 con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2008; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 17/4/2018. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại NH4 tạm giữ Công an huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. "Có mặt".

9. Bị cáo **K'T6**; Sinh ngày 17 tháng 6 năm 1994; tại Lâm Đồng.

HK thường trú: Thôn C, xã Lộc T, huyện B5, tỉnh Lâm Đồng.

Nơi cư trú: Thôn TB, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 3/12; Dân tộc: Châu Mạ; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông K'T bà Ka B; Vợ: Ka L - sinh năm 1991; Con có 02 con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 17/4/2018. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại NH4 tạm giữ Công an huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. "Có mặt".

***Những người tham gia bào chữa và B5 vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các bị cáo gồm:**

1. Ông Lưu Ngọc N - Luật sư thuộc Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn K D Và C S - Thuộc đoàn Luật sư TP. Hồ Chí Minh là người bào chữa cho bị cáo Quách Văn C.

Địa chỉ:, Phường x, Quận T, TP. Hồ Chí Minh. "Vắng mặt và đã có đơn từ chối bào chữa cho bị cáo C".
2. Ông Nguyễn Văn Q – Luật gia thuộc Trung tâm tư vấn pháp luật tại TP. Hồ Chí Minh thuộc trung ương hội luật gia Việt Nam, là người bào chữa cho bị cáo Quách Văn C.
Địa chỉ: Chi nhánh công ty Luật hợp danh Quốc Việt, số T Sơn, Phường s, Quận T, TP. Hồ Chí Minh. "Vắng mặt và đã có đơn từ chối bào chữa cho bị cáo C".
3. Bà Hoàng Thị H – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý NH4 nước tỉnh Lâm Đồng Chi nhánh trợ giúp pháp lý số 1, là người B5 vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị cáo K' J và bị cáo K' T6.
Địa chỉ: Chi nhánh số 1 – 31 đường L, TP. B, tỉnh Lâm Đồng. "Có mặt".
4. Ông Lương Minh T – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý NH4 nước tỉnh Lâm Đồng Chi nhánh trợ giúp pháp lý số 1, là người B5 vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị cáo Tống M H.
Địa chỉ: Chi nhánh số 1 – 31 đường L, TP. B, tỉnh Lâm Đồng. "Có mặt".
*** Nguyên đơn dân sự:** Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đ – Lâm Đồng.
Địa chỉ: Thôn 4, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng
- Đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn dân sự: ông Trần Trọng H - Chức vụ: Đội trưởng Đội B5 vệ rừng chuyên trách. "Có mặt".
*** Người làm chứng:**
1. Ông: Lê Văn H, sinh năm: 1974
Địa chỉ: Thôn 2, xã I, huyện D1, tỉnh Lâm Đồng. "Có mặt".
2. Bà: Quách Thị D, sinh năm: 1980
Địa chỉ: Thôn TB, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng."Vắng mặt".
3. Bà: Quách Thị K, sinh năm: 1971
Địa chỉ: Thôn T B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng."Vắng mặt".
4. Bà: Quách Thị Trà G sinh năm: 1977
Địa chỉ: Thôn T B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng."Vắng mặt".
5. Ông: K' K R, sinh năm: 1992
Địa chỉ: Tổ dân phố C, TT. Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. "Có mặt".
6. Ông: K' S, sinh năm: 1994
Địa chỉ: Tổ dân phố C, TT. Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. "Có mặt".
7. Ông: Hoàng Quốc H, sinh năm: 1980
Địa chỉ: Thôn A, xã L, huyện B5, tỉnh Lâm Đồng."Vắng mặt".
8. Bà: Nguyễn Thị M, sinh năm: 1961
Địa chỉ: Thôn V, xã L, huyện B5, tỉnh Lâm Đồng. "Có mặt".
9. Bà: Vũ Thị B, sinh năm: 1984
Địa chỉ: Thôn V, xã L, huyện B5, tỉnh Lâm Đồng. "Có mặt".
10. Bà: Nguyễn Thị H, sinh năm: 1987
Địa chỉ: Phường 2, TP. B, tỉnh Lâm Đồng."Vắng mặt".
11. Ông: Tống Văn C, sinh năm: 1975
Địa chỉ: Thôn G, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng."Vắng mặt".
12. Ông Vũ Anh T, sinh năm: 1969 – Cán bộ Hạt kiểm lâm huyện Đ, Lâm Đồng. "Có mặt".
13. Ông: Huỳnh Văn X, sinh năm: 1975 – Nhân viên Công ty CNHH MTV Lâm Nghiệp huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. "Có mặt".
14. Ông: K' N, sinh năm: 1977
Địa chỉ: Tổ dân phố C, TT. Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. "Có mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các T6 liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 4, tháng 5/2017, Quách Văn C, Vũ T L và Tống M H thuê một số người phát dọn, cưa hạ cây rừng tại khoảnh 3, khoảnh 8, tiểu khu 543, thuộc địa hạt xã Quảng Trị, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng với mục đích lấy đất sản xuất. Việc thuê người phát dọn, cưa hạ cây rừng cụ thể như sau:

H4nh vi hủy hoại rừng tại khoảnh 3, tiểu khu 543 (Hiện trường 1):

Khoảng tháng 4 năm 2017, Quách Văn C thuê bảy người gồm: Bùi Văn M, Bùi Văn T4, Bùi Đăng H6 *(là cháu C)*, Trần Cao T *(là em rể C),* Quách Thị K6 *(là chị ruột C),* Quách Thị Trà G6 *(là em ruột C),* Quách Thị D6 (*là em ruột C và là vợ T*) phát, cưa hạ cây rừng tại khoảnh 3 và khoảnh 8 thuộc tiểu khu 543 xã Quảng Trị, huyện Đ để lấy đất sản xuất. Khi thuê C nói đã có người lo và đã có người canh đường, vì vậy các đối tượng nói trên đã nhận lời đi phát rừng thuê cho C và thống nhất sau khi phát dọn, cưa hạ cây rừng xong thì trừ chi phí, số tiền còn lại sẽ chia đều. Dụng cụ dao phát các đối tượng tự mang theo, riêng phương tiện máy cưa xăng cầm tay do C chuẩn bị, trong đó M mua giúp C 01 máy cưa xăng cầm tay, khi dao phát hỏng thì C nhờ M mua thêm 02 dao phát mới để tiếp tục phát rừng. Bảy người sử dụng dao phát để phát luỗng, thời gian phát luỗng khoảng 07 ngày (H4ng ngày làm từ khoảng 08h sáng đến 16h chiều). Trong quá trình phát luỗng thì Quách Văn C là người cảnh giới và thấy ông Vũ Anh T8 là cán bộ Hạt kiểm lâm Đ đến hiện trường kiểm tra thì nhóm C dừng việc phát rừng và bỏ trốn. Mấy ngày sau thì C tiếp tục gọi những đối tượng nói trên đi phá rừng tiếp, C khẳng định với mọi người là đã lo hết rồi, không có việc gì phải sợ thì mọi người đều đồng ý tiếp tục đi phát rừng cho C.

Sau khi phát luỗng Quách Văn C thuê: Đào Văn T; Lê Văn H8 và PH Văn Công cưa cây có đường kính trên 10 cm còn lại, trả tiền công mỗi buổi 1.000.000đ/người. Các đối tượng này sử dụng máy cưa xăng cầm tay do C chuẩn bị để cưa hạ cây rừng, thời gian cưa hạ cây rừng khoảng 05 ngày, H4ng ngày làm từ khoảng 16h đến 21h, sử dụng đèn pin đeo trên đầu để cưa gỗ đêm. Riêng Công chỉ tham gia cưa hạ cây rừng được khoảng từ 01 đến 02 tiếng thì bị cây đổ vào đầu nên bỏ về, không tham gia cưa hạ cây rừng nữa. Trong quá trình cưa hạ cây C, M và H6 là người cảnh giới còn T4 và T phụ tiếp nước, tiếp xăng nhớt cho thợ cưa.

Tiền công C trả cho các đối tượng gồm có: C, H6, T, K6, G6, D6, M, T4 được hưởng sau khi đã trừ chi phí là từ 6.000.000 đến 7.000.000 triệu đồng; T 3.000.000 đồng, trả cho Công 1.000.000 đồng, trả cho H8 2.200.000 đồng nuôi cơm.

H4nh vi hủy hoại rừng tại khoảnh 8, tiểu khu 543(Hiện trường 2)

Khoảng tháng 5 năm 2017, C thuê T trọn gói trong việc phát dọn, cưa hạ cây rừng tại khoảnh 8, tiểu khu 543 với tổng số tiền là 30.000.000 đồng, phương tiện dao phát và 01 máy cưa do T tự túc, 01 máy cưa thì C cho T mượn. Đào Văn T lại thuê K'J, K'T6, K'Jang (tên thường gọi là Gà), K'Sép , K'KRiệu phát luỗng trong 3 ngày và cưa ha cây rừng trong 01 ngày. Khi thuê các đối tượng nói trên, lúc đầu do các đối tượng sợ không dám đi phát rừng thì T nói yên tâm đã có người lo và đã có người canh đường hết rồi, vì vậy các đối tượng nói trên nhận lời đi phát rừng thuê cho T. T, K'J và K'T6 phát luỗng liên tục trong 03 ngày; K'Sép và K'KRiệu chỉ tham gia phát luỗng ngày cuối cùng còn K'Jang do bận việc gia đình nên không tham gia phát luỗng. Khi cưa hạ cây gỗ lớn, T và K'J trực tiếp cưa hạ cây rừng; K'T6 và K'Jang thay phiên nhau canh chừng và tiếp nước, tiếp xăng nhớt, C tham gia canh đường 01 buổi.

T trả công phát luỗng là 300.000đ/người/ngày, công cưa cây gỗ lớn là 700.000đ/người/buổi, công canh đường, tiếp nước và tiếp xăng nhớt là 350.000đ/người/ngày.

Dụng cụ dao phát của ai người đó mang đi theo riêng phương tiện máy cưa xăng cầm tay do Đào Văn T chuẩn bị và T đã trả cho K'J khoảng 2.150.000 đồng, K'T6 khoảng 1.450.000 đồng, K'Sép khoảng 300.000 đồng, K'KRiệu khoảng 300.000 đồng, K'Jang khoảng 700.000 đồng.

H4nh vi hủy hoại rừng tại khoảnh 8, tiểu khu 543(hiện trường 3 và 4)

Khoảng tháng 4/2017, do có nhu cầu kiếm đất để sản xuất nông nghiệp nên Vũ T L và Tống M H (là cậu họ của L) bàn bạc thống nhất và thực hiện việc phát rừng tại tại khoảnh 8, tiểu khu 543, xã Quảng Trị, huyện Đ. H và L thỏa thuận sẽ chung nhau tiền để chi phí cho việc phát rừng gồm toàn bộ chi phí mua máy cưa, dao phát, xăng nhớt, ăn uống và chung chi cho Kiểm lâm. Do H không có tiền nên L đã tạm ứng trước khoảng 35.000.000 đồng để chi phí hai bên thống nhất sau khi phát dọn, cưa hạ cây rừng xong thì sẽ chia đều số tiền chi phí .

H và L đã nhờ và phân công một số đối tượng tham gia phát dọn, cưa hạ cây rừng cụ thể như sau: Vợ chồng bị can Vũ T L, Vũ Thị B5; vợ chồng Tống M H, Nguyễn Thị M5, Tống Thế B5 và ông Hoàng Quốc H3 sử dụng dao phát để phát dọn các cây bụi, cây leo, cây gỗ nhỏ có đường kính khoảng dưới 10cm (tức là phát luỗng hoặc phát chân) sau đó dùng máy cưa xăng cầm tay cưa hạ những cây gỗ lớn có đường kính từ 10cm trở lên. Tất cả phát luỗng đến đâu thì cưa hạ ngay cây đến đó, thời gian phát luỗng và cưa hạ cây khoảng 04 đến 05 ngày.

Quá trình phát luỗng B5 chỉ tham gia phát 01 buổi (từ khoảng 10h00 đến khoảng 15h00 thì nghỉ); bà M5 có ngày làm, ngày nghỉ do còn phải lo nấu cơm cho những đối tượng phá rừng; B5 đi tiếp nước, xăng nhớt 02 buổi, H3 tham gia cưa hạ được khoảng 10 cây rừng nhỏ thì máy cưa bị hư, không tham gia nữa; L tham gia phát luỗng 01 buổi, sau đó chuyển sang cưa hạ cây rừng; riêng ông H phát luỗng từ đầu đến khi kết thúc việc phát rừng trái pháp luật trên toàn bộ diện tích.

Sau khi phát dọn tại hiện trường 4 xong và bị Kiểm lâm truy đuổi, thời gian khoảng 02 đến 03 tuần sau, L, H, M5 và Tống Thế B5 tiếp tục vào tại khu vực hiện trường 3 giáp ranh với hiện trường 4 để sử dụng dao phát phát luỗng và dùng máy cưa xăng cầm tay cưa hạ những cây gỗ lớn có đường kính từ 10cm trở lên. Phát luỗng đến đâu thì cưa hạ cây đến đó, thời gian phát luỗng và cưa hạ cây khoảng 08 đến 09 ngày.

Ngày 05/6/2017, Cơ quan CSĐT(PC46) Công an tỉnh Lâm Đồng tiến H4nh khám nghiệm hiện trường vụ phá rừng trái pháp luật tại một phần khoảnh 3, khoảnh 8, tiểu khu 543, xã Quảng Trị, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng do Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đ là chủ rừng, xác định: Tổng diện tích rừng sản xuất bị tác động phá trắng là: 69.720m^2; có 1.293 gốc cây và có 1.390 lóng gỗ, thân gỗ bị cưa hạ với tổng khối lượng lâm sản bị thiệt hại là: 430,153m^3 (gỗ từ nhóm 2 đến nhóm 8).

Trong đó:

Hiện trường 1 (khoảnh 3, tiểu khu 543): Diện tích bị thiệt hại là 45.910m^2; có 788 gốc cây và có 860 lóng gỗ, thân gỗ bị cưa hạ với lâm sản thiệt hại: 298,206m^3 .

Hiện trường 2 (khoảnh 8, tiểu khu 543): Diện tích bị thiệt hạ là 11.410m^2; có 282 gốc cây và có 288 lóng gỗ, thân gỗ bị cưa hạ với lâm sản thiệt hại: 82,930m^3.

Hiện trường 3 (khoảnh 8, tiểu khu 543): Diện tích bị thiệt hại là 12.400m^2; có 223 gốc cây và có 242 lóng gỗ, thân gỗ bị cưa hạ với tổng khối lượng lâm sản bị thiệt hại: 49,017m^3.

Kết quả khám nghiệm hiện trường ngày 11/4/2017 (hiện trường 4) như sau:Tổng diện tích rừng sản xuất bị tác động phá trắng là: 0,612 ha (6.120m^2); có 64 gốc cây và có 64 lóng gỗ, thân gỗ bị cưa hạ với tổng khối lượng lâm sản bị thiệt hại là: 19,123m^3 (gỗ từ nhóm 3 đến nhóm 7).

Ngày 31/7/2017, Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Lâm Đồng có công văn số 1450/SNN-KL xác định: Diện tích rừng thuộc tiểu khu 543, xã Quảng Trị, huyện Đ được xem xét áp dụng đối tượng rừng xuất, mục đích sử dụng rừng là rừng tự nhiên sản xuất. Như vậy, 04 hiện trường vi phạm nói trên thuộc đối tượng rừng sản xuất.

Ngày 09/11/2017, Hội đồng định giá T6 sản trong tố tụng hình sự tỉnh Lâm Đồng có văn bản số 1199/TB-HĐĐG thông báo kết luận của Hội đồng định giá T6 sản trong tố tụng hình sự, xác định: Tổng khối lượng gỗ thiệt hại là: 430,153m^3, tổng giá trị thiệt hại T6 nguyên rừng là: 1.155.309.688 đồng (trong đó giá trị thiệt hại lâm sản là: 288.827.422 đồng; giá trị thiệt hại môi trường là: 866.482.266 đồng).

Chia ra theo từng hiện trường như sau:

Hiện trường 1 (khoảnh 3, tiểu khu 543): Lâm sản thiệt hại: 298,206m^3 , giá trị thiệt hại T6 nguyên rừng là: 825.398.308 đồng (trong đó giá trị thiệt hại lâm sản là: 206.349.577 đồng, giá trị thiệt hại môi trường là: 619.048.731 đồng).

Hiện trường 2 (khoảnh 8, tiểu khu 543): Lâm sản thiệt hại: 82,930m^3 , giá trị thiệt hại T6 nguyên rừng là: 175.328.582 đồng (trong đó giá trị thiệt hại lâm sản là: 43.832.146 đồng; giá trị thiệt hại môi trường là: 131.496.437 đồng).

Hiện trường 3 (khoảnh 8, tiểu khu 543): Lâm sản bị thiệt hại: 49,017m^3 , giá trị thiệt hại T6 nguyên rừng là: 154.582.798 đồng (trong đó giá trị thiệt hại lâm sản là: 38.645.699 đồng; giá trị thiệt hại môi trường là: 115.937.098 đồng).

Ngày 18/12/2017, Hội đồng định giá T6 sản trong tố tụng hình sự tỉnh Lâm Đồng (Sở T6 chính) có văn bản số 1320/TB-HĐĐG thông báo kết luận của Hội đồng định giá T6 sản trong tố tụng hình sự, xác định: Tổng khối lượng gỗ thiệt hại (tại hiện trường 4) là: 19,123m^3, tổng giá trị thiệt hại T6 nguyên rừng là: 65.563.000 đồng (trong đó giá trị thiệt hại lâm sản là: 16.390.800 đồng; giá trị thiệt hại môi trường là: 49.172.400 đồng).

Tại bản Cáo trạng số 01/CT- VKSLĐ – P3 ngày 09 tháng 02 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng truy tố bị cáo Quách Văn C về tội " *Hủy hoại rừng* " theo khoản 3 Điều 243 Bộ luật hình sự 2015; các bị cáo Đào Văn T, Trần Cao T, Vũ T L, Tống M H, Bùi Đăng H6, Bùi Văn T4, Bùi Văn M, K'J và bị cáo K'T6 về tội " *Hủy hoại rừng* " theo quy định tại khoản 2 Điều 243 Bộ luật hình sự 2015.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ H4nh vi phạm tội, Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng; Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Quách Văn C, Đào Văn T, Trần Cao T, Vũ T L, Tống M H, Bùi Văn T4, Bùi Văn M, K'J và bị cáo K'T6 phạm tội " *Hủy hoại rừng* ". Đề nghị:

- Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 243, điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Quách Văn C từ 7 (*bảy*) năm đến 8 (*tám*) năm tù.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 243, điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Đào Văn T từ 48 (*bốn mươi tám*) tháng đến 54 (*năm mươi bốn*) tháng tù.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 243, điểm b, s, t khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 54 và Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Vũ TH4nh L từ 30 (*ba mươi*) tháng đến 36 (*ba mươi sáu*) tháng tù.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 243, điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 54 và Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Tống M H từ 30 (*ba mươi*) tháng đến 36 (*ba mươi sáu*) tháng tù.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 243, điểm s, t khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 54 và Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Trần Cao T từ 30 (*ba mươi*) tháng đến 36 (*ba mươi sáu*) tháng tù.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 243, điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 54 và Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt các bị cáo Bùi Văn M, Bùi Văn T4 mỗi bị cáo từ 30 (*ba mươi*) tháng đến 36 (*ba mươi sáu*) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 5 (*năm*) năm.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 243, điểm s, t khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 54 và Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt các bị cáo K' J, K' T6 mỗi bị cáo từ 24 (*hai mươi bốn*) tháng đến 30 (*ba mươi*) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 (*bốn mươi tám*) đến 60 (*sáu mươi*) tháng.

Đối với bị cáo Bùi Đăng H6: Bị cáo H6 đã bỏ trốn, cơ quan điều tra đã ra quyết định truy nã nH3 không có kết quả, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tạm đình chỉ xét xử đối với bị cáo H6 khi nào bắt được xét xử sau.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị về trách nhiệm dân sự, về xử lý vật chứng và án phí hình sự sơ thẩm.

+ Các bị cáo Quách Văn C, Đào Văn T, Vũ T L, Tống M H, Trần Cao T, Bùi Văn T4, Bùi Văn M, K'J và bị cáo K'T6 khai nhận toàn bộ H4nh vi phạm tội đúng như Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố.

+ Trong quá trình giải quyết vụ án, gia đình bị cáo Quách Văn C đã mời 02 người bào chữa là luật sư Lưu Ngọc Nam và luật gia Nguyễn Văn Quân bào chữa cho bị cáo C. Tuy nhiên, luật sư Nam và luật gia Quân đã có thông báo từ chối bào chữa cho bị cáo C.

+ Ông Lương Minh Trực bào chữa cho bị cáo Tống M H: Cáo trạng truy tố bị cáo H về tội hủy hoại rừng theo quy định tại khoản 2 Điều 243 của Bộ luật hình sự năm 2015 là đúng người đúng tội và tại phiên tòa đồng ý với mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo H. Tuy nhiên bị cáo H là người dân lương thiện, chưa có tiền án, tiền sự, cha mẹ của bị cáo là những người đều có công với cách mạng, hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, bị cáo nhận thức pháp luật hạn chế và bị cáo do tH6 đất sản xuất nên mới phạm tội. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ và cho bị cáo H được hưởng án treo.

+ Bà Hoàng Thị Hương bào chữa cho các bị cáo K' J, K' T6: Các bị cáo sinh sống tại vùng kinh tế rất khó khăn, các bị cáo là người dân tộc thiểu số, nhận thức pháp luật hạn chế, lạc hậu, các bị cáo có người thân là người có công với cách mạng, các bị cáo đều khó khăn về kinh tế, bị cáo C là người chủ mưu trong vụ án đã bồi thường thay cho tất cả các bị cáo, các bị cáo chỉ là người làm thuê. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ và xử phạt các bị cáo mức án thấp nhất để các bị cáo K' J, K' T6 sớm hòa nhập cộng đồng.

+ Các bị cáo nói lời sau cùng: Nhận thức được H4nh vi phạm tội là sai. Các bị cáo trình bày hoàn cảnh gia đình rất khó khăn, là lao động chính trong gia đình … do đó các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các T6 liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về H4nh vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Lâm Đồng; Cơ quan điều tra Công an huyện Đ; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng; Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra

và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc kH6 nại về H4nh vi, quyết định của Cơ quan tiến H4nh tố tụng, người tiến H4nh tố tụng. Do đó, các H4nh vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến H4nh tố tụng, người tiến H4nh tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về H4nh vi của các bị cáo Quách Văn C, Đào Văn T, Vũ T L, Tống M H, Trần Cao T, Bùi Đăng H6, Bùi Văn T4, Bùi Văn M, K'J và bị cáo K'T6 thể hiện:

Khoảng tháng 4 và tháng 5/2017, Quách Văn C, Vũ T L và Tống M H thuê một số người phát dọn, cưa hạ cây rừng tại khoảnh 3, khoảnh 8, tiểu khu 543, thuộc địa hạt xã Quảng Trị, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng với mục đích lấy đất sản xuất và lấy tiền tiêu xài. Cụ thể như sau:

Khoảng tháng 4 năm 2017 bị cáo Quách Văn C đã thuê các bị cáo Bùi Đăng H6, Trần Cao T, Bùi Văn M, Bùi Văn T4 và một số đối tượng khác đã chặt phá rừng sản xuất trái phép tại khoảnh 3 thuộc tiểu khu 543 xã Quảng Trị, huyện Đ, tỉnh lâm Đồng, với diện tích chặt phá là 45.910m^2; lâm sản thiệt hại: 298,206m^3, giá trị lâm sản thiệt hại là 206.349.577 đồng (hiện trường 1).

Khoảng tháng 5 năm 2017 bị cáo Quách Văn C đã thuê bị cáo Đào Văn T, sau đó bị cáo T thuê và cùng các bị cáo K'J, K'T6 và một số đối tượng khác chặt phá trắng rừng sản xuất trái phép tại khoảnh 5 thuộc tiểu khu 543 xã Quảng Trị, huyện Đ, tỉnh lâm Đồng, với diện tích chặt phá là 11.410m^2; lâm sản thiệt hại: 82,930m^3, giá trị lâm sản thiệt hại là: 43.832.146 đồng (hiện trường 2).

Khoảng tháng 4 tháng 2017 các bị cáo Vũ T L và Tống M H đã cùng một số đối tượng khác chặt phá rừng sản xuất trái phép hai lần, cụ thể: *Lần 1*: Các bị cáo L và H đã cùng một số đối tượng khác chặt phá rừng sản xuất trái phép tại khoảnh 8 thuộc tiểu khu 543 xã Quảng Trị, huyện Đ, tỉnh lâm Đồng, với diện tích chặt phá là 6.120m^2; lâm sản bị thiệt hại là: 19,123m^3 , giá trị lâm sản thiệt hại là: 16.390.800 đồng (hiện trường 4). *Lần 2:* Các bị cáo L và H đã cùng một số đối tượng khác chặt phá rừng sản xuất trái phép tại khoảnh 8 thuộc tiểu khu 543 xã Quảng Trị, huyện Đ, tỉnh lâm Đồng, với diện tích chặt phá là 12.400m^2, lâm sản bị thiệt hại: 49,017m^3, giá trị thiệt hại T6 nguyên rừng là: 38.645.699 đồng.Tổng diện tích rừng bị chặt phá là 18.520m^2, lâm sản thiệt hại là 68,140 m^3, giá trị lâm sản thiệt hại là: 55.036.499 đồng (hiện trường 3).

Do đó, H4nh vi của bị cáo Quách Văn C đã đủ yếu tố cấu tH4nh tội "*Hủy hoại rừng*", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 3 Điều 243 Bộ luật hình sự năm 2015; H4nh vi của các bị cáo Đào Văn T, Vũ T L, Tống M H, Trần Cao T, Bùi Văn T4, Bùi Văn M, K'J và bị cáo K'T6 đã đủ yếu tố cấu tH4nh tội "*Hủy hoại rừng*", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 243 Bộ luật hình sự năm 2015. Vì vậy, Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã truy tố đối với các bị cáo là hoàn toàn có căn cứ và đúng pháp luật.

H4nh vi phạm tội nêu trên của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thể hiện sự coi thường pháp luật, các bị cáo nhận thức được rằng Rừng là T6 nguyên quốc gia, NH4 nước nghiêm cấm mọi H4nh vi khai thác trái phép, nH3 vì mục đích tư lợi cá nhân, bất chấp các quy định của pháp luật, các bị cáo vẫn cố ý hủy hoại rừng trái phép.

Đây là vụ án có đồng phạm nH3 chỉ ở mức độ giản đơn, xét vai trò và trách nhiệm của từng bị cáo trong vụ án thấy rằng: Bị cáo Quách Văn C giữ vai trò chủ mưu đối với trách nhiệm thiệt hại xảy ra tại hiện trường 1 và hiện trường 2, do vậy bị cáo C phải chịu trách nhiệm cao nhất trong vụ án; các bị cáo Bùi Văn T4, Bùi Văn M, Trần Cao T, Đào Văn T, K'J và bị cáo K'T6 giữ vai trò đồng phạm thực H4nh nên phải chịu trách nhiệm tương xứng với H4nh vi phạm tội do từng bị cáo gây ra; Các bị cáo Tống M H, Vũ T L phải chịu trách nhiệm thiệt hại xảy ra tại hiện trường 3 và hiện trường 4 tương xứng với H4nh vi phạm tội

do các bị cáo gây ra. Cho thấy các bị cáo C, T, L, H, T, M, T4, K' J và K' T6 là những người coi thường pháp luật, hơn nữa tình trang khai thác rừng trái phép tại địa phương ngày càng có chiều hướng gia tăng, có nhiều đối tượng tham gia và diễn biến phức tạp.

Bị cáo Quách Văn C là người chủ mưu, cầm đầu và trực tiếp thuê các bị cáo Bùi Đăng H6, Trần Cao T, Bùi Văn M, Bùi Văn T4 và một số đối tượng khác, sau đó chỉ chỗ, cảnh giới, cung cấp một số công cụ, phương tiện như dao phát và máy cưa để phát rừng, cưa hạ cây rừng trái phép, khi thấy có cán bộ Kiểm lâm vào kiểm tra thì bị cáo C nói các bị cáo khác bỏ trốn, mấy ngày sau bị cáo C vẫn chỉ đạo cho những người này tiếp tục phát hết diện tích đã chỉ trước đó ở hiện trường 1 tại khoảnh 3 thuộc tiểu khu 543 xã Quảng Trị, huyện Đ, tỉnh lâm Đồng, với diện tích chặt phá là 45.910m^2; lâm sản thiệt hại: 298,206m^3, giá trị lâm sản thiệt hại là 206.349.577 đồng. Đối với hiện trường 2 tại khoảnh 5 thuộc tiểu khu 543 xã Quảng Trị, huyện Đ, tỉnh lâm Đồng, bị cáo C không trực tiếp thuê người phát mà thuê bị cáo Đào Văn T trọn gói để bị cáo T thuê người phát và bị cáo C cũng cung cấp cho bị cáo T 01 máy cưa xăng cầm tay để bị cáo T cưa hạ cây gỗ lớn và tham gia cảnh giới 01 buổi tại hiện trường này, với diện tích chặt phá là 11.410m^2; lâm sản thiệt hại: 82,930m^3, giá trị lâm sản thiệt hại là: 43.832.146 đồng. Vì vậy, bị cáo C phải chịu trách nhiệm đối với hậu quả xảy ra tại hiện trường 1 và hiện trường 2, tổng số diện tích chặt phá là 57.320 m^2; tổng số lâm sản thiệt hại: 381.136 m^3 và tổng số giá trị lâm sản thiệt hại là: 250.181.723 đồng.

Bị cáo Đào Văn T là người được bị cáo C thuê trọn gói trong việc phát dọn và cưa hạ cây rừng tại hiện trường 2. Bị cáo T thuê các bị cáo K'J, K'T6 và một số đối tượng khác phát dọn, cưa hạ cây rừng tại hiện trường này. Vai trò của bị cáo T tại hiện trường này là người vừa giúp sức, vừa là người thực H4nh, khi đứng ra thuê người cho bị cáo C đồng thời bị cáo T cũng là người trực tiếp phát dọn, cưa hạ cây rừng, với diện tích chặt phá là 11.410m^2; lâm sản thiệt hại: 82,930m^3, giá trị lâm sản thiệt hại là: 43.832.146 đồng. Ngoài ra, bị cáo TH4nh cũng là người trực tiếp tham gia cưa hạ cây rừng tại hiện trường 1. Vai trò của bị cáo T trong vụ án này là rất lớn. Bản thân bị cáo TH4nh có 01 tiền án: Ngày 21/9/2017 bị cáo T bị Tòa án nhân dân huyện B5, tỉnh Lâm Đồng tuyên 09 tháng tù về tội "*Vi phạm các quy định về khai thác và B5 vệ rừng"*.

Bị cáo Trần Cao T có quan hệ là em rể của bị cáo C, khi bị cáo C rủ và thuê đi phá rừng trái phép tại hiện trường 1, mặc dù nhận thức được đây là H4nh vi trái pháp luật sẽ bị trừng trị nH3 bị cáo T vẫn cố ý thực hiện. Bị cáo T tham gia phát rừng ở hiện trường này với vai trò là người thực H4nh, khi tham gia phát dọn 07 ngày và tham gia tiếp xăng, nước 05 ngày cho các bị cáo khác cưa hạ cây rừng, với diện tích rừng bị thiệt hại là 45.910 m^2, giá trị lâm sản thiệt hại là 206.349.577 đồng. Như vậy, thiệt hại mà bị cáo T cùng các bị cáo khác gây ra tại hiện trường này là rất lớn, hơn nữa về nhân thân: Bị cáo T vào ngày 13/3/2013, bị Tòa án nhân dân huyện B5, tỉnh Lâm Đồng xử phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội "*Trộm cắp T6 sản*".

Các bị cáo L và H do có nhu cầu lấy đất sản xuất nên cùng rủ nhau phát rừng trái phép tại khoảnh 8, tiểu khu 543 xã Quảng Trị, huyện Đ để canh tác. Các bị cáo L, H là những người trực tiếp nhờ những người trong gia đình như vợ, con cùng tham gia phát dọn rừng, nH3 vai trò của những người tham gia với các bị cáo là không đáng kể khi chỉ tham gia một vài buổi, chủ yếu là lo cơm nước cho các bị cáo L và H. Còn các bị cáo L, H là những người trực tiếp thực hiện việc chặt phá, cưa hạ cây rừng trên toàn bộ diện tích tại hiện trường 3 và hiện trường 4, làm tổng thiệt hại 18.520 m^2 diện tích rừng sản xuất, giá trị thiệt hại về lâm sản là: 55.036.499 đồng. Như vậy, tính chất, mức độ H4nh vi phạm tội của các bị cáo L, H ở 2 hiện trường này là nghiêm trọng. Hơn nữa, bị cáo H là đảng viên, đã từng tham gia công tác xã hội, lẽ ra bị cáo sẽ là cầu nối giữa Đảng, NH4 nước với nhân dân trong việc tuyên

truyền chính sách pháp luật, làm gương cho gia đình và nhân dân trong việc chấp H4nh pháp luật, nH3 bị cáo đã không làm vậy. Chỉ vì muốn có đất sản xuất mà bị cáo đã cùng bị cáo L phá rừng trái phép, bất chấp các quy định của pháp luật.

Do vậy, cần phải áp dụng một mức hình phạt nghiêm tương xứng với H4nh vi phạm tội của các bị cáo C, T, T, L và bị cáo H tương xứng với H4nh vi phạm tội của từng bị cáo gây ra, cần phải cách ly các bị cáo C, T, T, L và bị cáo H ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, đảm B5 sự nghiêm minh của pháp luật vừa giữ gìn an ninh trật tự, cải tạo giáo dục các bị cáo cũng như có tác dụng phòng ngừa chung. Tuy nhiên, khi lượng hình cũng cần xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo C, T, T, L và bị cáo H một phần vì: Các bị cáo đều có hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động chính trong gia đình. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo C, T, T, L và bị cáo H tH4nh khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo đã tích cực giúp đỡ cơ quan điều tra giải quyết vụ án, nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với các bị cáo C, T, T, L và bị cáo H; Các bị cáo C, T, L và bị cáo H chưa có tiền án, tiền sự; Bị cáo C đã tác động gia đình bồi thường khắc phục hậu quả số tiền là 230.182.000 đồng, sau khi vụ án bị phát hiện thì bị cáo C đã ra đầu thú, do vậy bị cáo C được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2 điều 51 của Bộ luật hình sự; bị cáo T sau khi vụ án bị phát hiện thì bị cáo T đã ra đầu thú, do vậy bị cáo T được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 điều 51 của Bộ luật hình sự; Bị cáo H đã bồi thường khắc phục hậu quả số tiền là 27.500.000 đồng, bị cáo có bố và mẹ là người có công với cách mạng, do vậy bị cáo H được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2 điều 51 của Bộ luật hình sự; đối với bị cáo L đã bồi thường khắc phục hậu quả số tiền là 27. 536.499 đồng, do vậy bị cáo L được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 điều 51 của Bộ luật hình sự.

Đối với các bị cáo Bùi Văn M, Bùi Văn T4 vai trò các bị cáo này tại hiện trường 1 cũng như vai trò của bị cáo T, khi tham gia phát dọn 07 ngày là những người thực H4nh, trực tiếp sử dụng dao phát chặt hạ cây rừng và tham gia cảnh giới, tiếp xăng, nước khi các bị cáo khác cưa hạ cây lớn trong 05 ngày, với diện tích rừng bị thiệt hại là 45.910 m^2, giá trị lâm sản thiệt hại là 206.349.577 đồng. Như vậy, thiệt hại do H4nh vi phạm tội của các bị cáo tại hiện trường này cũng rất lớn, với vai trò là người thực H4nh khi tham gia phát dọn và cưa hạ cây gỗ. Vì vậy, vai trò của các bị cáo M và T4 tại hiện trường 1 thấp hơn của H4nh vi phạm tội của bị cáo T nên cần có một hình phạt nghiêm khắc tương xứng với H4nh vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra. Tuy nhiên, thời gian tạm giam vừa qua cũng đủ để các bị cáo ăn năn , hối lỗi về hành vi của mình . Khi lượng hình phạt cũng cần xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo M, T4 một phần vì: Các bị cáo đều có hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động chính trong gia đình, các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo tH4nh khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo đã bồi thường khắc phục hậu quả, các bị cáo đã tích cực giúp đỡ cơ quan điều tra giải quyết vụ án, các bị cáo có bố là người có công với cách mạng nên các bị cáo M, T4 được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015. Do đó, xét thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo M, T4 ra khỏi xã hội mà cho các bị cáo được tự cải tạo ngoài xã hội dưới sự giám sát của chính quyền địa phương và gia đình cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục các bị cáo, đồng thời tạo cơ hội cho bị cáo có điều kiện chăm sóc gia đình và tự sửa chữa những khuyết điểm của bản thân là phù hợp.

Các bị cáo K’ T6, K’ J là người làm thuê cho bị cáo C thông qua bị cáo T. Các bị cáo cùng bị cáo T và một số đối tượng khác tham gia phát dọn cây rừng tại hiện trường 2 trong 3 ngày, tham gia cưa hạ cây rừng 1 ngày, làm thiệt hại diện tích rừng là 11.410m^2, giá trị lâm

sản bị thiệt hại là 43.832.146 đồng. Tuy nhiên, vai trò của các bị cáo tại hiện trường này là không đáng kể, khi các bị cáo đều là những người có hoàn cảnh khó khăn chỉ đi làm thuê lấy tiền nuôi sống gia đình và bản thân. Do vậy, cần phải áp dụng một mức hình phạt nghiêm tương xứng với H4nh vi phạm tội của các bị cáo K' J, K' T6 gây ra. Tuy nhiên, khi lượng hình phạt cũng cần xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo K' J, K' T6 một phần vì: Các bị cáo đều có hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động chính trong gia đình, các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo tH4nh khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo đã tích cực giúp đỡ cơ quan điều tra giải quyết vụ án nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Do đó, xét thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo K' J, K' T6 ra khỏi xã hội mà cho các bị cáo được tự cải tạo ngoài xã hội dưới sự giám sát của chính quyền địa phương và gia đình cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục các bị cáo, đồng thời tạo cơ hội cho các bị cáo có điều kiện chăm sóc gia đình và tự sửa chữa những khuyết điểm của bản thân là phù hợp.

Đối với bị cáo Bùi Đăng H6, vào ngày 09/02/2018 bị cáo H6 đã nhận được bản Cáo trạng số 01/CT- VKSLĐ – P3 ngày 09 tháng 02 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng. Trong quá trình chuẩn bị xét xử, bị cáo H6 đã bỏ trốn, cơ quan điều tra đã ra quyết định truy nã nH3 không có kết quả. Xét thấy, bị cáo H6 đã bỏ trốn, cơ quan điều tra đã ra quyết định truy nã nH3 không có kết quả nên cần tạm đình chỉ xét xử đối với bị cáo H6, khi nào bắt được bị cáo H6 xét xử sau là phù hợp.

Trong vụ án này còn có: Các đối tượng Quách Thị K6, Quách Thị Trà G6, Quách Thị D6, PH Văn Công, K'Jang, K'Sép, K'KRiệu, Lê Văn H8, Nguyễn Thị M5, Vũ Thị B5, Hoàng Quốc H3, Tống Thế B5, Lê Văn H8 có tham gia chặt phá rừng. Quá trình điều tra xác định H4nh vi của các đối tượng nói trên chưa đủ yếu tố cấu tH4nh tội phạm nên không đủ cơ sở để xem xét xử lý hình sự là phù hợp.

Đối với đối tượng Nguyễn Thị H4: Qua hồ sơ vụ án thể hiện, trong giai đoạn điều tra bị cáo Quách Văn C khai nhận việc phá rừng trái phép là theo sự thuê mướn của đối tượng H4 và đối tượng H4 còn đưa thêm tiền cho bị cáo C để lo chung chi, bồi dưỡng cho các bộ kiểm lâm và cán bộ lâm trường, song không có người chứng kiến, không có T6 liệu chứng minh. Đối tượng H4 đã phủ nhận toàn bộ nội dung khai báo của bị cáo C. Tại phiên tòa: Đối tượng H4 vắng mặt, bị cáo C khai nhận đối tượng H4 không thuê bị cáo C như bị cáo khai trước đó mà bị cáo tự thuê các bị cáo và một số đối tượng khác trong vụ án phá rừng trái phép tại hiện trường 1 và hiện trường 2 là đúng. Do đó, không đủ căn cứ để xem xét xử lý hình sự đối với đối tượng H4 là phù hợp.

Đối với đối tượng Tống Văn C: C là em của bị cáo H và là cậu họ của bị cáo L. Khi bị cáo L và bị cáo H nhờ C xin phép kiểm lâm, lâm trường và đưa tiền cho C đi quan hệ, do là mối quan hệ gia đình nên C nhận lời. C khai báo không nhớ đã nhận từ bị cáo L số tiền là bao nhiêu. Số tiền nhận từ bị cáo L, C đã sử dụng hết vào việc ăn nhậu với ông T8 là cán bộ Kiểm lâm và ông X1 và không chung chi tiền bạc, vật chất gì cho những cán bộ này. Như vậy, không đủ căn cứ để xem xét xử lý hình sự đối với đối tượng Tống Văn C.

Đối với H4nh vi của ông Vũ Anh T8 và ông Huỳnh T X1 không đủ yếu tố cấu tH4nh tội phạm TH6 trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng và quá trình điều tra không đủ cơ sở để xác định ông T8 và ông X1 đã nhận tiền của bị cáo C để tạo điều kiện thuận lợi cho bị cáo C trong quá trình chặt phá rừng trái phép. Do đó, Cơ quan cơ quan điều tra không xử lý hình sự đối với ông T8 và ông X1 là phù hợp.

Đối với một số tH4nh viên tổ B5 vệ rừng Tgồm có: Phạm Kiều T, Đoàn D, Nguyễn Văn N, Đỗ Văn V, D6 Văn D, Nguyễn Hồng Đ, Vũ Đình N, Nguyễn Văn P, K'V, các cá

nhân này thực hiện nhiệm vụ theo chỉ đạo của ông Vũ Anh T8. Sau khi phát hiện 02 vụ vi phạm khi các đối tượng mới phát luỗng 4.500m^2 và khi các đối tượng mới phát trắng được diện tích rừng khoảng từ 2.000m^2 – 3.000m^2, ông Vũ Anh T8 không chỉ đạo gì cho các cá nhân nói trên nên không có cơ sở xem xét trách nhiệm liên đới đối với các cá nhân này trong vụ án.

Đối với ông Nguyễn Xuân T.9 - Nguyên là Hạt trưởng Hạt Kiểm lâm Đ từ ngày 25/04/2012 đến ngày 15/5/2017 và ông PH Thế T9 - Nguyên Giám đốc Công ty lâm nghiệp Đ giai đoạn 2013 - 2016: Trong vụ án này, ông T.9 và ông T9 đã có tH6 sót, sơ suất nên việc phân công tổ trưởng và tH4nh viên của Tổ BVR Tkhông chặt chẽ, không đúng quy định dẫn đến ý thức trách nhiệm của ông T8 và ông X1 trong công tác quản lý B5 vệ rừng tại Tổ BVR Tcòn nhiều hạn chế. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lâm Đồng đã có công văn đề nghị Chi cục Kiểm lâm Lâm Đồng và UBND tỉnh Lâm Đồng xem xét hình thức kỷ luật đối với ông T.9 và ông T9. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về trách nhiệm dân sự:

- Bị cáo C là người chủ mưu và thuê các bị cáo H6, T, M, T4 và bị cáo T chặt phá rừng tại hiện trường 1 và hiện trường 2, tổng giá trị lâm sản thiệt hại là 250.182.000 đồng. Các bị cáo M, T4 mỗi bị cáo đã tự nguyện bồi thường số tiền là 10.000.000 đồng, bị cáo C đã tự nguyện tác động gia đình bồi thường số tiền là 230.182.000 đồng. Do vậy, cần buộc bị cáo C phải bồi thường số tiền là 230.182.000 đồng, cần buộc các bị cáo M, T4 mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền là 10.000.000 đồng, để sung quỹ NH4 nước.

- Đối với các bị cáo L, H đã cùng chặt phá rừng trái phép tại hiện trường 3 và hiện trường 4, tổng giá trị lâm sản thiệt hại là: 55.036.499 đồng. Bị cáo H đã tự nguyện bồi thường số tiền 27.500.000 đồng, bị cáo L đã tự nguyện bồi thường số tiền 27.536.499 đồng. Do vậy, buộc bị cáo H phải bồi thường số tiền 27.500.000 đồng, buộc bị cáo L phải bồi thường số tiền 27.536.499 đồng, để sung quỹ NH4 nước.

[4] Về xử lý vật chứng:

* Đối với số lâm sản còn lại trên hiện trường là 449,276m^3, Cơ quan cảnh sát điều tra đã có công văn giao cho Hạt Kiểm lâm huyện Đ phối hợp với Công ty lâm nghiệp huyện Đ xử lý theo thẩm quyền. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

* Xét thấy các vật chứng sau các bị cáo đã dùng làm công cụ, phương tiện phạm tội, còn giá trị sử dụng, cần tịch thu sung quỹ NH4 nước là phù hợp.

- 01 (một) Điện thoại di động, nhãn hiệu NoKiA 1280 màu xám, không kiểm tra chất lượng; 01 (một) SIM số 0886439168. Xét thấy, đây là chiếc điện thoại của bị cáo C, bị cáo C dùng làm phương tiện phạm tội, điện thoại còn giá trị sử dụng cần tịch thu sung quỹ nH4 nước.

- 04 (bốn) chiếc máy cưa có đặc điểm: 01 (một) máy cưa xăng cầm tay nhãn hiệu STIHL MS 381 (nắp trên màu vàng cam, nắp dưới màu trắng, nắp che "Bô E" bị mất, lam 5, sên cưa 5) được niêm phong bằng giấy niêm phong có chữ ký của bị cáo Quách Văn C; 01 (một) máy cưa xăng cầm tay không rõ nhãn hiệu (nắp trên màu vàng cam, lam 5, sên cưa 5) được niêm phong bằng giấy niêm phong có chữ ký của bị cáo Quách Văn C; 01 (một) máy cưa xăng cầm tay màu trắng có lam cưa và sên được lắp sẵn theo máy; nhãn hiệu FUJIKAWA 5200 (do hạt kiểm lâm Đ chuyển); 01 (một) máy cưa xăng cầm tay, trên nắp có ghi dòng chữ Madein China, nhãn hiệu KANTAGASOLINE CHAINSAW 066 màu vàng cam, lam 5, sên cưa 5 được niêm phong bằng giấy niêm phong có chữ ký của bị cáo L. Xét thấy 04 chiếc máy cưu là vật chứng của vụ án, đều còn giá trị sử dụng cần tịch thu sung quỹ nH4 nước.

* Xét thấy các vật chứng sau các bị cáo đã dùng làm công cụ phạm tội, không còn giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy: 11 (mười một) con dao phát là vật chứng của vụ án.

[5] Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Quách Văn C, Đào Văn T, Vũ T L, Tống M H, Trần Cao T, Bùi Văn T4, Bùi Văn M, K'J và bị cáo K'T6 phạm tội "*Hủy hoại rừng*";

Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 243, điểm b, s, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Quách Văn C 7 (*bảy*) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 03/8/2017.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 243, điểm s, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Đào Văn T 48 (*bốn mươi tám*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 16/3/2018.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 243, điểm b, s, t khoản 1 Điều 51 và Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Vũ T L 30 (*ba mươi*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 16/4/2018.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 243, điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Tống M H 30 (*ba mươi*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 16/4/2018.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 243, điểm s, t khoản 1 Điều 51 và Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Trần Cao T 30 (*ba mươi*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 17/4/2018.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 243, điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015:

+ Xử phạt bị cáo Bùi Văn M 36 (*ba mươi sáu*) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 5 (*năm*) năm, tính từ ngày tuyên án.

+ Xử phạt bị cáo Bùi Văn T4 36 (*ba mươi sáu*) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 5 (*năm*) năm, tính từ ngày tuyên án.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 243, điểm s, t khoản 1 Điều 51, Điều 54 và Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015:

+ Xử phạt bị cáo K' J 30 (*ba mươi*) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 5 (*năm*) năm, tính từ ngày tuyên án.

+ Xử phạt bị cáo K' T6 30 (*ba mươi*) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 5 (*năm*) năm, tính từ ngày tuyên án.

Trả tự do ngay tại phiên tòa cho các bị cáo Bùi Văn M, Bùi Văn T4, K' J và bị cáo K' T6 đang bị tạm giam, nếu các bị cáo M, T4, K' J và bị cáo K' T6 không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Giao các bị cáo M, T4 cho Ủy ban nhân dân xã I, huyện D1, tỉnh Lâm Đồng; giao các bị cáo K' J, K' T6 cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp H4nh hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Tạm đình chỉ xét xử đối với bị cáo Bùi Đăng H6, bị cáo H6 đã bỏ trốn, cơ quan điều tra đã ra quyết định truy nã, khi nào bắt được bị cáo H6 xét xử sau.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 585; Điều 586 và Điều 589 của Bộ luật dân sự. Buộc các bị cáo phải bồi thường số tiền sau để sung quỹ NH4 nước: Bị cáo Quách Văn C phải bồi thường số tiền 230.182.000 đồng, bị cáo Bùi Văn M phải bồi thường số tiền 10.000.000 đồng, bị cáo Bùi Văn T4 phải bồi thường số tiền 10.000.000 đồng, bị cáo Tống M H phải bồi thường số tiền 27.500.000 đồng và bị cáo Vũ T L phải bồi thường số tiền 27.536.499 đồng.

Xác nhận các bị cáo đã nộp đủ số tiền trên với tổng số tiền là 305.218.499 đồng. Hiện số này đang được tạm giữ tại T6 khoản của Chi cục Thi H4nh án dân sự huyện Đ số: 3949.0.1098084.00000 mở tại Kho bạc NH4 nước huyện Đ theo giấy ủy nhiệm chi L ngày 05/02/2018.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 và điểm a Kn 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

Tịch thu sung quỹ NH4 nước các vật chứng sau:

-01 (một) Điện thoại di động, nhãn hiệu NoKiA 1280 màu xám, không kiểm tra chất lượng; 01 SIM số 0886439168, được niêm phong bằng giấy niêm phong có chữ ký của bị cáo Quách Văn C.

-04 (bốn) máy cưa, gồm:

+ 01 (một) máy cưa xăng cầm tay nhãn hiệu STIHL MS 381 (nắp trên màu vàng cam, nắp dưới màu trắng, nắp che "Bô E" bị mất, lam 5, sên cưa 5) được niêm phong bằng giấy niêm phong có chữ ký của bị cáo Quách Văn C.

+ 01 (một) máy cưa xăng cầm tay không rõ nhãn hiệu (nắp trên màu vàng cam, lam 5, sên cưa 5) được niêm phong bằng giấy niêm phong có chữ ký của bị cáo C.

+ 01 (một) máy cưa xăng cầm tay, trên nắp có ghi dòng chữ Madein China, nhãn hiệu KANTAGASOLINE CHAINSAW 066 màu vàng cam, lam 5, sên cưa 5 được niêm phong bằng giấy niêm phong có chữ ký của bị cáo L

+ 01 (một) máy cưa xăng cầm tay màu trắng có lam cưa và sên được lắp sẵn theo máy; nhãn hiệu FUJIKAWA 5200 (do hạt kiểm lâm Đ chuyển).

Tịch thu tiêu hủy 11 (mười một) con dao phát, gồm:

- 06 (sáu) dao phát được niêm phong bằng giấy niêm phong có chữ ký của bị cáo Quách Văn C (trong đó có 01 dao phát không có cán).

- 01 (một) dao phát dài 106 cm (cán dài 76 cm, lưỡi dài 36 cm) phần lưỡi dao bị sứt mẻ được niêm phong bằng giấy niêm phong có chữ ký của bị cáo Tống M H.

- 01 (một) dao phát dài 78 cm (cán gỗ dài 54 cm, lưỡi dài 24 cm) phần lưỡi dao bị gỉ sét được niêm phong bằng giấy niêm phong có chữ ký của bị cáo Tống M H.

- 01 (một) con dao phát đã qua sử dụng của bị cáo K' J.

- 01 (một) con dao phát đã qua sử dụng của bị cáo K' T6.

- 01 (một) con dao phát đã qua sử dụng của anh K' Jang.

Hiện những vật chứng trên đang được tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đạ Tẻh theo biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 31/01/2018.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/ 2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Quách Văn C, Đào Văn T, Vũ T L, Tống M H, Trần Cao T, Bùi Văn T4, Bùi Văn M, K'J và bị cáo K'T6 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (*hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 338 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo, nguyên đơn dân sự có quyền kháng cáo nội dung bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Lâm Đồng;*
- *VKSND tỉnh Lâm Đồng;*
- *VKSND huyện Đ;*
- *Công an huyện Đ;*
- *Bị cáo; Người bào chữa;*
- *Nguyên đơn dân sự;*
- *Thi hành án dân sự;*
- *Lưu HS.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

(Đã ký)

Dương Văn Hùng